

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*(Kèm theo Quyết định số: 20 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục công nhận và chấp thuận sáng kiến; việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến, thỏa thuận về việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu; nội dung, mức chi để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; các biện pháp quản lý, khuyến khích và hỗ trợ hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

2. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

3. “Chuyển giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

4. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

5. “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

6. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

Điều 3. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật được quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 08 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN*), cụ thể như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (như: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện...); chất (như: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...); vật liệu sinh học (như: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen...); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

b) Quy trình (như: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...);

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (như: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu...);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc;

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (như: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu...);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật...

4. Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 4. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi một cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP*);

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

c) Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP;

d) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng trái với pháp luật hiện hành, trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Điều 5. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến được quy định tại Điều 2 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

1. Pháp nhân, tức là tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 74 của Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể là:

a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;

b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể: Pháp nhân phải có cơ quan điều hành. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan điều hành của pháp nhân được quy định trong điều lệ của pháp nhân hoặc trong quyết định thành lập pháp nhân. Pháp nhân có cơ quan khác theo quyết định của pháp nhân hoặc theo quy định của pháp luật;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CHẤP THUẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở sau đây:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận

giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy định này);

b) Báo cáo sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy định này);

c) Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (bản gốc hoặc bản sao).

Điều 7. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ công nhận sáng kiến

1. Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến tiếp nhận, xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện hồ sơ (nếu có) và có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến theo quy định.

2. Cơ sở tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ sáng kiến; giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét hồ sơ.

Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa bổ sung, gửi lại;

b) Thông báo cho tác giả rõ lý do nếu từ chối chấp nhận hồ sơ sáng kiến.

Điều 8. Xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

3. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

4. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến; nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 11 Quy định này.

Điều 9. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến

a) Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực

liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo Quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, khoa học, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của hoạt động tư vấn đánh giá sáng kiến. Các thành viên Hội đồng thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn;

b) Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ nghiên cứu, thảo luận, xem xét, đánh giá nội dung sáng kiến theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về ý kiến tư vấn của mình; giữ bí mật về các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng được thể hiện trên Phiếu nhận xét, đánh giá sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục III Quy định này);

c) Phiên họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền. Ý kiến của thành viên Hội đồng vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo (nếu có);

d) Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng có mặt.

đ) Kết quả làm việc của Hội đồng được lập bằng văn bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên.

e) Hội đồng sáng kiến có quyền yêu cầu tác giả, đồng tác giả trực tiếp báo cáo sáng kiến hoặc tiến hành kiểm tra, thẩm định thực tế sáng kiến tại cơ sở nếu thấy cần thiết.

Điều 10. Phê duyệt, công nhận sáng kiến

1. Trên cơ sở tư vấn của Hội đồng, người đứng đầu cơ sở xem xét, quyết định công nhận sáng kiến.

2. Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến và thông báo cho tác giả, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này;

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Điều 11. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam nếu cơ sở đó có trụ sở tại tỉnh Quảng Nam hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Trong hai cơ quan, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam - nơi cơ sở xét công nhận sáng kiến đóng trụ sở - và cơ quan, tổ chức của Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ quan nào nhận được (hoặc nhận được sớm hơn) hồ sơ theo quy định thì sẽ chủ trì xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến và có thể yêu cầu cơ quan còn lại phối hợp thực hiện.

2. Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;

b) Bản sao hồ sơ yêu cầu xét sáng kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này;

c) Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 4 Quy định này;

d) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến.

3. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, cơ quan xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo quy định này để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến, trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

4. Định kỳ hằng năm (trước ngày 05/11) hoặc khi có yêu cầu, cơ quan, tổ chức Nhà nước trực tiếp đầu tư tạo ra sáng kiến có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Quy định này).

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và tại Điều 10, Điều 11 Thông tư 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 13. Phổ biến sáng kiến

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình, cụ thể:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 14. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn lao động tỉnh, Tỉnh đoàn và các cơ quan, đơn vị; các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ sở công nhận sáng kiến; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp khuyến khích các tổ chức, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng

kiến, như:

- a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;
- b) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

Chương IV

KINH PHÍ CHI CHO HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 15. Nội dung, mức chi của Hội đồng sáng kiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về nội dung và mức chi thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

1. Chủ tịch Hội đồng: 500.000 đồng/buổi họp.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng, thư ký Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi họp.
3. Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/buổi họp.
4. Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng sáng kiến được thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 16. Nội dung và mức chi phổ biến sáng kiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

b) Thực hiện các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm):

Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan).

Mức hỗ trợ 08 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

2. Tổ chức hội nghị để hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến (gồm: sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội, sáng kiến là giải pháp quản lý và

giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

Điều 17. Nội dung và mức chi khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định mức chi tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng do tỉnh Quảng Nam tổ chức và các văn bản quy định khác có liên quan.

2. Thông tin, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy định khác có liên quan.

4. Tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động sáng kiến ở các ngành, các cấp: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Điều 18. Lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động sáng kiến

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Mức chi quy định tại Điều 15 Quy định này hết hiệu lực thi hành khi văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định về chế độ tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp có hiệu lực thi hành.

Điều 20. Phân công trách nhiệm

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp thực hiện và nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nếu có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện;

b) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn và các Sở, Ban, ngành tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

e) Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến;

f) Hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

g) Hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

k) Định kỳ hằng năm, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại địa phương.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về

sáng kiến tại cơ sở;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ sở.

c) Định kỳ hằng năm (trước ngày 05/11) hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục V Quy định này) về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề gì phát sinh, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam để tổng hợp; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I**Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Kính gửi¹:

Chúng tôi/tôi kính đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xem xét, công nhận sáng kiến như sau:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến²:

.....

- Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến)³:

.....

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến⁴:

.....

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn)

- Hồ sơ đính kèm:

¹ Tên cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến.

² Tên của sáng kiến.

³ Tên và địa chỉ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

⁴ Điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin; Nông lâm ngư nghiệp và môi trường; Cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải; Dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế...); Khác

+ Báo cáo sáng kiến.

+ Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (nêu cụ thể, nếu có).

Chúng tôi/ tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II**Mẫu báo cáo sáng kiến**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến¹:.....

2. Mô tả bản chất của sáng kiến²: Có thể minh họa bằng các bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh chụp mẫu sản phẩm,... nếu cần thiết.

2.1. Các bước và cách thức thực hiện giải pháp (*mô tả ngắn gọn, đầy đủ và rõ ràng*):

2.2. Phân tích tình trạng của giải pháp đã biết (*nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở*):

2.3. Nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm hiện tại (*nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở*):

2.4. Khả năng áp dụng của sáng kiến:

(*Nêu rõ về việc giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào*)

2.5. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả và theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

- *So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó);*

- *Số tiền làm lợi (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể.*

2.5.1. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng

¹ Tên của sáng kiến.

² Cần nêu rõ các nội dung theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/BKHCHN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến.

sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

2.5.2. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):

3. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

4. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:.....

5. Danh sách những thành viên đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Phụ lục III**Mẫu phiếu nhận xét, đánh giá sáng kiến**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SÁNG KIẾN

Tên sáng kiến:

Thời gian họp:

Họ và tên người nhận xét:

Học vị: Chuyên ngành:

Đơn vị công tác:

Địa chỉ:

Số điện thoại cơ quan/di động:

Chức trách trong Hội đồng sáng kiến:

NỘI DUNG NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

TT	Tiêu chí	Nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng
1	<p>Tính mới và sáng tạo của sáng kiến:</p> <p>Sáng kiến phải có giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó tại cơ sở hoặc những nội dung đã cải tiến, sáng tạo để khắc phục những nhược điểm của giải pháp đã biết hoặc là các giải pháp mang tính mới hoàn toàn.</p>	
2	<p>Khả năng áp dụng của sáng kiến:</p> <p>Sáng kiến phải có giải pháp đã được áp dụng, kể cả áp dụng thử trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật tại cơ sở và mang lại lợi ích thiết thực; ngoài ra có thể nêu rõ giải pháp còn có khả năng áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào.</p>	

3	<p>Lợi ích của sáng kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp trong đơn so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở (cần nêu rõ giải pháp đem lại hiệu quả kinh tế, lợi ích xã hội cao hơn như thế nào hoặc khắc phục được đến mức độ nào những nhược điểm của giải pháp đã biết trước đó - nếu là giải pháp cải tiến giải pháp đã biết trước đó); - Số tiền làm lợi do sáng kiến mang lại (nếu có thể tính được) và nêu cách tính cụ thể. 	
	<p>Đánh giá chung (Đạt hay không đạt):</p>	

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục IV
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN
GIẢI ĐOẠN TỪ... ĐẾN ...CỦA

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam

I. Công nhận sáng kiến:

1. Lĩnh vực hoạt động của Cơ quan/Đơn vị¹:.....
2. Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:
3. Tổng số sáng kiến được công nhận:
4. Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mô tả tóm tắt bản chất của sáng kiến	Lợi ích kinh tế-xã hội có thể thu được do áp dụng sáng kiến

II. Áp dụng, chuyển giao sáng kiến:

1. Áp dụng sáng kiến:
 - Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:
 - Tổng mức đầu tư của Nhà nước:
 - Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:
 - Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:
 - Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Mức đầu tư của Nhà nước để tạo ra sáng kiến	Hiệu quả áp dụng (Tiền làm lợi và các lợi ích khác)	Thù lao trả cho tác giả

¹ Điện tử, viễn thông, tự động hóa, công nghệ thông tin; Nông lâm ngư nghiệp và môi trường; Cơ khí, xây dựng, giao thông vận tải; Dịch vụ (ngân hàng, du lịch, giáo dục, y tế...); Khác.

2. Chuyển giao sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:
- Tổng số tiền thu từ chuyển giao sáng kiến:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Giá chuyển giao	Số lần chuyển giao	Thù lao trả cho tác giả

III. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Lý do hủy bỏ ²

IV. Các biện pháp khuyến khích:

1. Nâng lương, nâng bậc trước thời hạn:

- Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Tình trạng áp dụng (Đang áp dụng/Áp dụng thử)

2. Ưu tiên cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến:
- Biểu tổng hợp:

STT	Họ và tên tác giả	Tên sáng kiến	Kinh phí hỗ trợ của tư nhân (nếu có)	Kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (nếu có)	Dự kiến kết quả (khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến)

Nơi nhận:

Chữ ký, họ tên của Thủ trưởng Cơ quan/Đơn vị
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu nếu có)

² Nêu rõ lý do hủy bỏ việc công nhận sáng kiến nếu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm
2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG
SÁNG KIẾN GIAI ĐOẠN TỪ ĐẾN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam

I. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Kết quả hoạt động:

Kết quả triển khai các hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo tại địa phương (tổ chức hội thi sáng tạo, triển lãm, diễn đàn sáng kiến, tổng kết khen thưởng hoạt động sáng kiến...):

2. Nhận xét:

II. Phổ biến sáng kiến

1. Kết quả hoạt động:

Kết quả triển khai các hoạt động phổ biến sáng kiến tại địa phương (tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến, hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến từ kinh phí nhà nước, hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến...):

2. Nhận xét:

Nơi nhận:

.....
.....

Thủ trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

3. Sáng kiến của các đối tượng khác (nông dân, học sinh, sinh viên, người lao động tự do,...):

- Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:
 - Tổng số sáng kiến được công nhận:.....
 - Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:.....
 - Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:.....
 - Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:.....
 - Tổng số sáng kiến được chuyển giao:.....
-